

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110001	Hoàng Tô Đức An	Nam	26/09/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110002	Lương Quỳnh An	Nữ	06/11/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110003	Lưu Nguyễn Phúc An	Nữ	12/11/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110004	Mai Hoàng Bảo An	Nữ	22/03/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110005	Nguyễn Bá An	Nam	28/05/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110006	Nguyễn Dương An	Nam	10/03/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110007	Nguyễn Khánh An	Nữ	03/08/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110008	Nguyễn Lê Thiên An	Nữ	12/02/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110009	Nguyễn Lý Bảo An	Nữ	30/04/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110010	Nguyễn Thanh An	Nữ	11/09/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110011	Nguyễn Thành An	Nam	17/04/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110012	Nguyễn Trúc Quỳnh An	Nữ	11/03/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110013	Tổng Thị Minh An	Nữ	26/03/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110014	Biện Vũ Phương Anh	Nữ	11/02/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110015	Bùi Hoàng Quốc Anh	Nam	05/09/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110016	Bùi Trâm Anh	Nữ	15/01/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110017	Bùi Trâm Anh	Nữ	15/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110018	Đào Nhật Anh	Nữ	03/06/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110019	Đặng Lê Quỳnh Anh	Nữ	07/11/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110020	Đặng Thị Kiều Anh	Nữ	09/02/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110021	Điều Hoàng Anh	Nữ	11/02/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110022	Đinh Hoàng Anh	Nam	09/08/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110023	Đinh Quỳnh Anh	Nữ	03/10/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110024	Hoàng Đình Đức Anh	Nam	14/02/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110025	Hồ Quỳnh Anh	Nữ	03/04/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110026	Lại Ngọc Thế Anh	Nam	02/12/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110027	Lê Đỗ Trâm Anh	Nữ	20/03/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110028	Lê Hoàng Anh	Nữ	03/02/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110029	Lê Hồ Quỳnh Anh	Nữ	09/04/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110030	Lê Phạm Minh Anh	Nữ	30/05/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110031	Lê Vân Anh	Nữ	25/09/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110032	Lê Vũ Nguyên Anh	Nữ	24/06/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110033	Mai Lê Trúc Anh	Nữ	26/02/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110034	Nguyễn Đăng Tú Anh	Nữ	23/01/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110035	Nguyễn Hà Anh	Nữ	25/01/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110036	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	12/12/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110037	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	05/08/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110038	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	19/12/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110039	Nguyễn Hoàng Phương Anh	Nữ	23/08/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110040	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	Nữ	22/08/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110041	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nữ	01/02/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110042	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Nữ	03/11/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110043	Nguyễn Phương Anh	Nữ	06/02/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110044	Nguyễn Phương Anh	Nữ	18/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110045	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	22/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110046	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	05/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110047	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	06/01/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110048	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	20/01/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110049	Nguyễn Việt Anh	Nam	12/12/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110050	Nguyễn Xuân Hải Anh	Nam	17/11/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110051	Phạm Bùi Hà Anh	Nữ	22/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110052	Phạm Hoàng Anh	Nữ	27/11/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110053	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	25/12/2009	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110054	Phan Hoài Anh	Nữ	27/01/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110055	Quách Trần Nhật Anh	Nam	20/06/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110056	Thái Trâm Anh	Nữ	15/06/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110057	Trần Ngọc Anh	Nam	21/01/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110058	Trần Ngọc Minh Anh	Nữ	17/02/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110059	Trần Nguyễn Tuấn Anh	Nam	24/08/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110060	Trần Phương Anh	Nữ	16/03/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110061	Trần Phương Anh	Nữ	14/05/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110062	Trần Quỳnh Anh	Nữ	13/05/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110063	Trần Thị Quỳnh Anh	Nữ	08/02/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110064	Trịnh Bảo Anh	Nữ	11/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110065	Trịnh Nguyễn Đức Anh	Nam	05/05/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110066	Trương Quang Anh	Nam	01/12/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110067	Trương Quỳnh Anh	Nữ	08/06/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110068	Văn Minh Anh	Nam	23/11/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110069	Nguyễn Minh Ánh	Nữ	18/02/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110070	Nguyễn Hồng Ân	Nữ	23/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110071	Nguyễn Trần Thiên Ân	Nam	07/11/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110072	Phạm Văn Hoàng Ân	Nam	07/12/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110073	Trần Thiên Ân	Nam	06/04/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110074	Võ Nguyễn Thiên Ân	Nữ	30/06/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110075	Vũ Quang Ân	Nam	17/05/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110076	Hoàng Bách	Nam	24/03/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110077	Nguyễn Toàn Bách	Nam	16/01/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110078	Nguyễn Xuân Bách	Nam	07/09/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110079	Chu Tổng Gia Bảo	Nam	19/04/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110080	Đỗ Gia Bảo	Nam	09/05/2009	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110081	Hồ Gia Bảo	Nam	20/06/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110082	Lý Gia Bảo	Nam	29/11/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110083	Nguyễn Gia Bảo	Nam	21/04/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110084	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam	09/08/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110085	Nguyễn Hữu Gia Bảo	Nam	09/07/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110086	Nguyễn Minh Bảo	Nam	06/02/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110087	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	20/05/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110088	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	03/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110089	Phạm Gia Bảo	Nam	17/07/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110090	Phạm Gia Bảo	Nam	20/05/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110091	Phạm Gia Bảo	Nam	17/02/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110092	Vũ Đức Bảo	Nam	19/04/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110093	Vũ Xuân Bảo	Nam	23/10/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110094	Nguyễn Quang Bắc	Nam	08/06/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110095	Chu Văn Thanh Bình	Nam	05/05/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110096	Nguyễn Đức Bình	Nam	13/08/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110097	Trần Lê Bình	Nam	29/01/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110098	Bùi Nhật Minh Châu	Nữ	07/11/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110099	Chu Hoàng Bảo Châu	Nữ	01/08/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110100	Hà Nguyễn Bảo Châu	Nữ	03/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110101	Hồ Ngọc Minh Châu	Nữ	29/05/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110102	Lê Nguyễn Bảo Châu	Nữ	23/10/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110103	Nguyễn Bảo Tâm Châu	Nữ	20/03/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110104	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Nữ	06/06/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110105	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Nữ	12/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110106	Trịnh Bảo Châu	Nữ	02/12/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110107	Vũ Ngọc Minh Châu	Nữ	31/07/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110108	Vũ Trần Minh Châu	Nữ	23/09/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110109	Bùi Đào Yến Chi	Nữ	28/08/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110110	Nguyễn Trần Hà Chi	Nữ	09/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110111	Trần Thị Quỳnh Chi	Nữ	21/02/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110112	Võ Trang Chi	Nữ	11/02/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110113	Nguyễn Phạm Đình Chiến	Nam	07/08/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110114	Nguyễn Gia Cường	Nam	23/02/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110115	Nguyễn Ngọc Diễm	Nữ	23/03/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110116	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	Nữ	11/06/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110117	Đinh Phương Dung	Nữ	10/03/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110118	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	15/02/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110119	Đào Xuân Dũng	Nam	22/07/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110120	Lê Đức Dũng	Nam	08/10/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110121	Lê Minh Dũng	Nam	07/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110122	Nguyễn Đăng Dũng	Nam	06/09/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110123	Nguyễn Đăng Dũng	Nam	21/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110124	Nguyễn Hoàng Dũng	Nam	19/01/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110125	Nguyễn Văn Tiến Dũng	Nam	08/09/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110126	Phạm Tấn Dũng	Nam	06/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110127	Huỳnh Khánh Duy	Nam	09/10/2008	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110128	Lâm Tú Duy	Nam	22/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110129	Lê Đức Duy	Nam	31/01/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110130	Nguyễn Đăng Duy	Nam	09/11/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110131	Nguyễn Nhật Duy	Nam	15/02/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110132	Trần Bảo Duy	Nam	23/02/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110133	Nguyễn Hoàng Thùy Duyên	Nữ	11/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110134	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	Nữ	11/08/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110135	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Nữ	19/10/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110136	Nguyễn Thị Ánh Dương	Nữ	22/03/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110137	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	15/11/2009	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110138	Trần Đức Dương	Nam	24/05/2009	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110139	Nguyễn Linh Đan	Nữ	10/05/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110140	Nguyễn Dương Anh Đào	Nữ	13/04/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110141	Đinh Tiến Đạt	Nam	04/11/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110142	Lê Hữu Minh Đạt	Nam	05/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110143	Nguyễn Minh Đạt	Nam	14/07/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110144	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	03/11/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110145	Nguyễn Thành Đạt	Nam	03/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110146	Nguyễn Thành Đạt	Nam	22/03/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110147	Trần Đức Đạt	Nam	31/10/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110148	Trần Gia Đạt	Nam	02/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110149	Trần Thành Đạt	Nam	02/11/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110150	Trịnh Nguyễn Thành Đạt	Nam	31/08/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110151	Trương Đức Đạt	Nam	15/03/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110152	Võ Quang Đạt	Nam	22/02/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110153	Vũ Lam Đình	Nữ	16/06/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110154	Nguyễn Khải Đỉnh	Nam	27/04/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110155	Trần Văn Định	Nam	10/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110156	Đỗ Ngọc Minh Đức	Nam	29/09/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110157	Nguyễn Dương Đình Đức	Nam	25/09/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110158	Nguyễn Minh Đức	Nam	05/01/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110159	Nguyễn Trường Minh Đức	Nam	12/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110160	Hồ Ngọc Giang	Nữ	01/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110161	Ngô Thị Châu Giang	Nữ	20/12/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110162	Nguyễn Phạm Châu Giang	Nữ	04/11/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110163	Trần Thị Trà Giang	Nữ	21/07/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110164	Đỗ Vũ Quỳnh Giao	Nữ	02/02/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110165	Nguyễn Diệp Quỳnh Giao	Nữ	17/11/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110166	Huỳnh Đoàn Nguyên Giáp	Nam	11/10/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110167	Hồ Ngọc Hà	Nữ	08/06/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110168	Lê Thanh Hà	Nữ	01/04/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110169	Nguyễn Phạm Khánh Hà	Nữ	16/03/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110170	Nguyễn Thu Hà	Nữ	21/12/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110171	Phạm Quang Hà	Nam	03/08/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110172	Trần Khánh Hà	Nữ	15/03/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110173	Trịnh Ngọc Ngân Hà	Nữ	04/12/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110174	Dương Ngọc Hải	Nam	22/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110175	Nguyễn Đức Hải	Nam	23/07/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110176	Hồ Hữu Hạnh	Nam	06/02/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110177	Hồ Nguyễn Minh Hạnh	Nữ	03/03/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110178	Lê Minh Hạnh	Nữ	29/04/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110179	Nguyễn Anh Hào	Nam	04/12/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110180	Nguyễn Đức Hào	Nam	10/03/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110181	Bùi Ngọc Minh Hằng	Nữ	31/10/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110182	Nguyễn Lưu Thanh Hằng	Nữ	22/12/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110183	Bùi Nguyễn Gia Hân	Nữ	16/08/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110184	Hoàng Ngọc Hân	Nữ	25/07/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110185	Lê Ngọc Hân	Nữ	07/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110186	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	14/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110187	Nguyễn Phạm Gia Hân	Nữ	10/05/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110188	Phạm Bảo Hân	Nữ	01/10/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110189	Trần Gia Hân	Nữ	01/05/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110190	Trần Gia Hân	Nữ	03/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110191	Dương Thị Thu Hiền	Nữ	14/06/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110192	Đinh Nguyễn Thúy Hiền	Nữ	19/02/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110193	Nguyễn Minh	Hiên	Nam	31/07/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110194	Đàm	Hiếu	Nam	17/11/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110195	Đầu Khắc Lâm	Hiếu	Nam	30/12/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110196	Nguyễn Lâm	Hiếu	Nam	24/12/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110197	Nguyễn Trần Duy	Hiếu	Nam	28/10/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110198	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	05/01/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110199	Trần Huy	Hiếu	Nam	28/01/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110200	Trịnh Trung	Hiếu	Nam	13/06/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110201	Lê Hữu Minh	Hoàng	Nam	14/05/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110202	Ngô Văn	Hoàng	Nam	16/08/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110203	Ngô Việt	Hoàng	Nam	19/06/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110204	Nguyễn Bảo	Hoàng	Nam	17/05/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110205	Nguyễn Gia	Hoàng	Nam	24/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110206	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hoàng	Nam	22/12/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110207	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	07/01/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110208	Phạm Văn	Hoàng	Nam	12/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110209	Nguyễn Lam	Hồng	Nữ	17/11/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110210	Bùi Huy	Hùng	Nam	24/12/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110211	Đào Mạnh	Hùng	Nam	26/08/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110212	Lại Vương Quốc	Hùng	Nam	26/02/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110213	Phan Đình	Hùng	Nam	13/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110214	Nguyễn Đức Minh	Huy	Nam	20/08/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110215	Nguyễn Gia	Huy	Nam	11/08/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110216	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	09/07/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110217	Phùng Phạm Gia Huy	Nam	13/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110218	Thịnh Minh Huy	Nam	13/08/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110219	Trần Công Huy	Nam	12/12/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110220	Vũ Gia Huy	Nam	08/09/2009	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110221	Đình Thanh Huyền	Nữ	15/05/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110222	Huỳnh Thảo Huyền	Nữ	28/03/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110223	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	05/04/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110224	Trần Đặng Khánh Huyền	Nữ	02/07/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110225	Trần Đặng Thanh Huyền	Nữ	20/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110226	Trần Thanh Huyền	Nữ	23/04/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110227	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	11/12/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110228	Lê Tiến Hưng	Nam	19/06/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110229	Đỗ Minh Hương	Nữ	19/05/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110230	Lê Thị Thu Hương	Nữ	26/09/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110231	Nguyễn Phạm Quỳnh Hương	Nữ	16/09/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110232	Nguyễn Phạm Thu Hương	Nữ	21/10/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110233	Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	05/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110234	Phạm Lan Hương	Nữ	06/07/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110235	Trần Thiên Hữu	Nam	01/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110236	Nguyễn Khang Hy	Nam	24/12/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110237	Bùi Ngọc Nguyên Kha	Nam	16/09/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110238	Nguyễn Ngọc Phương Kha	Nữ	02/06/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110239	Phùng Tuấn Khải	Nam	14/04/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110240	Hoàng Phúc Khang	Nam	05/06/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110241	Huỳnh Đoàn Đình Khang	Nam	21/04/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110242	Huỳnh Minh Khang	Nam	27/04/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110243	Lý Duy Khang	Nam	12/10/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110244	Nguyễn Minh Khang	Nam	25/08/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110245	Phùng Bá Khang	Nam	27/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110246	Trần Phúc Khang	Nam	17/02/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110247	Nguyễn Tuấn Khanh	Nam	02/02/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110248	Nguyễn Tuấn Khanh	Nam	25/02/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110249	Nguyễn Vương Vi Khanh	Nữ	24/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110250	Lê Nam Khánh	Nam	24/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110251	Lê Nhật Khánh	Nam	08/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110252	Lê Quốc Khánh	Nam	02/09/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110253	Nguyễn Dương Khánh	Nam	12/04/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110254	Phạm Duy Khánh	Nam	16/04/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110255	Dương Nguyễn Khiêm	Nam	06/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110256	Đỗ Anh Khoa	Nam	24/06/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110257	Hoàng Anh Khoa	Nam	10/06/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110258	Lê Đăng Khoa	Nam	28/09/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110259	Nguyễn Duy Khoa	Nam	18/04/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110260	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	Nam	12/04/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110261	Phạm Trần Đăng Khoa	Nam	24/05/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110262	Võ Anh Khoa	Nam	10/02/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110263	Vũ Đức Khoa	Nam	25/12/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110264	Bùi Thế Đăng Khôi	Nam	30/09/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110265	Lê Anh	Khôi	Nam	11/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110266	Ngô Xuân	Khôi	Nam	05/05/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110267	Trần Minh	Khôi	Nam	31/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110268	Vũ Đăng	Khôi	Nam	10/03/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110269	Hà Lê Tuấn	Kiệt	Nam	24/08/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110270	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	Nam	25/05/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110271	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	26/10/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110272	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	04/09/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110273	Trần Trí Anh	Kiệt	Nam	29/03/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110274	Phạm Ngọc Thiên	Kim	Nữ	16/01/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110275	Trương Quỳnh Phương	Kim	Nữ	22/08/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110276	Hoàng Mạc Nhã	Kỳ	Nữ	19/01/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110277	Nguyễn Phương	Lam	Nữ	29/03/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110278	Lê Thùy	Lan	Nữ	25/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110279	Nguyễn Hoàng Mai	Lan	Nữ	15/01/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110280	Phạm Ngọc	Lan	Nữ	28/11/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110281	Trương Ngọc	Lan	Nữ	13/03/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110282	Lê Thùy	Lâm	Nữ	25/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110283	Nguyễn Ái	Lâm	Nữ	01/11/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110284	Nguyễn Hải	Lâm	Nam	29/01/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110285	Nguyễn Quốc	Lâm	Nam	17/03/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110286	Phạm Vũ Phước	Lâm	Nam	19/10/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110287	Phan Hoàng	Lâm	Nam	12/09/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110288	Trương Bảo	Lâm	Nam	03/05/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110289	Đào Nguyễn Ngân Linh	Nữ	06/03/2009	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110290	Đinh Hà Gia Linh	Nữ	23/06/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110291	Đoàn Phương Linh	Nữ	17/12/2009	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110292	Đỗ Doãn Khánh Linh	Nữ	03/01/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110293	Lê Vũ Khánh Linh	Nữ	23/05/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110294	Ngô Thị Khánh Linh	Nữ	18/12/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110295	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	Nữ	19/03/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110296	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	18/07/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110297	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	Nữ	08/10/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110298	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	19/08/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110299	Nguyễn Phương Linh	Nữ	16/11/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110300	Phạm Gia Linh	Nữ	21/11/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110301	Phạm Trần Phương Linh	Nữ	11/04/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110302	Phạm Vũ Hải Linh	Nữ	20/11/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110303	Phạm Yến Linh	Nữ	18/01/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110304	Trần Lê Khánh Linh	Nữ	02/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110305	Trần Ngọc Linh	Nữ	12/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110306	Trần Thị Ngọc Linh	Nữ	16/05/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110307	Từ Thị Hà Linh	Nữ	15/06/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110308	Vũ Ngọc Phương Linh	Nữ	05/04/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110309	Vũ Nhật Linh	Nữ	07/05/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110310	Vũ Thùy Linh	Nữ	13/05/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110311	Đỗ Thiên Linh	Nam	24/04/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110312	Bùi Phi Long	Nam	12/10/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110313	Ngô Hoàng Long	Nam	22/02/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110314	Nguyễn Hồ Hoàng Long	Nam	27/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110315	Phạm Tiến Long	Nam	22/11/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110316	Nguyễn Tài Lộc	Nam	17/11/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110317	Vũ Nguyễn Tuấn Lộc	Nam	15/10/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110318	Đồng Thị Ngọc Ly	Nữ	06/11/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110319	Vũ Ngọc Ly	Nữ	08/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110320	Lê Đỗ Ngọc Mai	Nữ	14/08/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110321	Lương Hà Ngọc Mai	Nữ	14/05/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110322	Trần Thị Hoàng Mai	Nữ	31/03/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110323	Dương Quốc Minh	Nam	16/08/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110324	Đào Ngọc Minh	Nữ	29/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110325	Đặng Ngọc Thu Minh	Nữ	12/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110326	Đỗ Lê Quang Minh	Nam	09/02/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110327	Đỗ Quang Minh	Nam	30/09/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110328	Lê Đức Minh	Nam	19/05/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110329	Lê Quảng Hiền Minh	Nữ	15/02/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110330	Nguyễn Nhật Minh	Nam	05/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110331	Nguyễn Quang Minh	Nam	07/10/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110332	Nguyễn Vũ Tiến Minh	Nam	28/04/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110333	Trần Hồng Minh	Nam	03/04/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110334	Vũ Trần Anh Minh	Nam	10/02/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110335	Lê Thảo My	Nữ	15/09/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110336	Nguyễn Hoàng My	Nữ	07/03/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110337	Nguyễn Lê Hà My	Nữ	19/07/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110338	Nguyễn Ngọc Thảo My	Nữ	25/04/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110339	Nguyễn Trà My	Nữ	15/07/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110340	Nguyễn Trần Thảo My	Nữ	22/04/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110341	Phạm Lê Thảo My	Nữ	10/01/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110342	Phạm Ngọc Khánh My	Nữ	28/01/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110343	Phạm Thảo My	Nữ	13/04/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110344	Trần Nguyễn Nhật My	Nữ	01/01/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110345	Võ Trần Nhật Mỹ	Nữ	01/01/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110346	Phan Duy An Na	Nữ	01/02/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110347	Đặng Hồng Nam	Nam	15/10/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110348	Đồng Bảo Nam	Nam	20/02/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110349	Nguyễn Bảo Nam	Nam	01/01/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110350	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	29/12/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110351	Nguyễn Lê Bảo Nam	Nam	03/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110352	Nguyễn Thành Nam	Nam	14/06/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110353	Trần Bảo Nam	Nam	26/01/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110354	Cao Phạm Thu Nga	Nữ	22/06/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110355	Chu Thị Kim Ngân	Nữ	19/07/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110356	Hoàng Võ Mỹ Ngân	Nữ	19/03/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110357	Huỳnh Ngọc Hà Ngân	Nữ	02/07/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110358	Lê Thanh Ngân	Nữ	31/10/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110359	Lưu Diệp Hải Ngân	Nữ	24/09/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110360	Mai Nguyễn Kim Ngân	Nữ	03/03/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110361	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	Nữ	15/09/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110362	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	09/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110363	Nguyễn Thùy Ngọc Ngân	Nữ	11/01/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110364	Vũ Khánh Ngân	Nữ	17/01/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110365	Bùi Uyên Nghi	Nữ	07/06/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110366	Lê Xuân Nghi	Nữ	02/09/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110367	Lương Mẫn Nghi	Nữ	05/11/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110368	Nguyễn Hà Gia Nghi	Nữ	28/04/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110369	Nguyễn Trần Gia Nghi	Nữ	20/02/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110370	Nguyễn Phú Khương Nghi	Nam	01/11/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110371	Tôn Trường Nghĩa	Nam	30/08/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110372	Lê Châu Thảo Ngọc	Nữ	06/07/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110373	Lê Hoàng Minh Ngọc	Nữ	13/03/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110374	Lê Khánh Ngọc	Nữ	18/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110375	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/03/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110376	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	23/08/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110377	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	Nữ	22/07/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110378	Nguyễn Vũ Khánh Ngọc	Nữ	20/06/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110379	Phạm Đoàn Khánh Ngọc	Nữ	09/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110380	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	12/12/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110381	Phạm Khánh Ngọc	Nữ	28/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110382	Phạm Lê Khánh Ngọc	Nữ	25/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110383	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	28/01/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110384	Phan Thanh Bảo Ngọc	Nữ	06/02/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110385	Trần Bảo	Ngọc	Nam	02/10/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110386	Hoàng Tú	Nguyên	Nữ	26/06/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110387	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	25/04/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110388	Nguyễn Tất Khôi	Nguyên	Nam	16/02/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110389	Nguyễn Vũ Đan	Nguyên	Nam	27/03/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110390	Trần Khôi	Nguyên	Nữ	07/07/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110391	Đào Trần Minh	Nguyệt	Nữ	24/02/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110392	Tổng Hoàng Như	Nguyệt	Nữ	12/12/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110393	Vũ Minh	Nguyệt	Nữ	10/09/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110394	Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	17/11/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110395	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	22/06/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110396	Bùi Minh	Nhật	Nam	13/07/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110397	Hoàng Minh	Nhật	Nam	24/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110398	Lê Minh	Nhật	Nam	10/10/2009	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110399	Nguyễn Duy Minh	Nhật	Nam	06/03/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110400	Nguyễn Lâm Minh	Nhật	Nam	26/02/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110401	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	12/07/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110402	Đặng Ngọc Tuệ	Nhi	Nữ	03/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110403	Đặng Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	12/02/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110404	Đặng Ngô Yến	Nhi	Nữ	07/10/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110405	Hà Yến	Nhi	Nữ	04/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110406	Hồ Hoàng Phương	Nhi	Nữ	21/01/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110407	Huỳnh Thị Ý	Nhi	Nữ	13/08/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110408	Lê Thảo	Nhi	Nữ	05/02/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110409	Lê Yến Nhi	Nữ	15/03/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110410	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	Nữ	16/03/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110411	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Nữ	16/05/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110412	Trần Gia Yến Nhi	Nữ	26/06/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110413	Trần Hoàng Yến Nhi	Nữ	09/01/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110414	Trần Lê Đông Nhi	Nữ	13/02/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110415	Trần Thảo Nhi	Nữ	18/01/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110416	Võ Hoài Thảo Nhi	Nữ	15/09/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110417	Võ Xuân Nhi	Nữ	27/11/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110418	Vũ Đỗ Phương Nhi	Nữ	29/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110419	Nguyễn Phan An Nhiên	Nữ	10/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110420	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	28/01/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110421	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	14/06/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110422	Bùi Huỳnh Ngọc Như	Nữ	17/12/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110423	Đinh Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	30/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110424	Đinh Tâm Như	Nữ	25/06/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110425	Hà Ngọc Khánh Như	Nữ	26/06/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110426	Hồ Trần Quỳnh Như	Nữ	09/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110427	Lê Võ Tâm Như	Nữ	20/03/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110428	Nguyễn Gia Như	Nữ	27/06/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110429	Nguyễn Mai Quỳnh Như	Nữ	30/08/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110430	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	20/05/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110431	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	02/01/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110432	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	23/08/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110433	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	13/04/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110434	Phan Thị Quỳnh	Như	Nữ	05/09/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110435	Trần Quỳnh	Như	Nữ	22/08/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110436	Vũ Quỳnh	Như	Nữ	30/05/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110437	Nguyễn	Phát	Nam	27/12/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110438	Nguyễn Hữu	Phát	Nam	04/01/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110439	Trần Tiến	Phát	Nam	05/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110440	Đỗ Thanh	Phong	Nam	18/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110441	Vũ Thế	Phong	Nam	28/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110442	Lê Duy Tấn	Phú	Nam	09/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110443	Sử Gia	Phú	Nam	15/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110444	Lê Gia	Phúc	Nam	26/11/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110445	Nguyễn Duy	Phúc	Nam	15/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110446	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	02/07/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110447	Nguyễn Khắc Minh	Phúc	Nam	04/09/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110448	Nguyễn Quang	Phúc	Nam	24/05/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110449	Trần Hoàng	Phúc	Nam	16/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110450	Trần Thiên	Phúc	Nam	15/07/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110451	Hà Lan	Phương	Nữ	21/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110452	Lê Minh	Phương	Nữ	05/02/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110453	Lê Thị Ngọc	Phương	Nữ	25/06/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110454	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	Nữ	10/07/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110455	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	12/08/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110456	Nguyễn Thùy	Phương	Nữ	06/03/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110457	Nguyễn Vũ Minh	Phương	Nữ	01/01/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110458	Phạm Mai	Phương	Nữ	09/02/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110459	Phạm Minh	Phương	Nữ	15/07/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110460	Quản Tôn Hà	Phương	Nữ	13/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110461	Trần Thanh	Phương	Nữ	24/12/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110462	Võ Ngọc Mai	Phương	Nữ	21/11/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110463	Vũ Ngọc Minh	Phương	Nữ	05/09/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110464	Vũ Trúc	Phương	Nữ	25/04/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110465	Chu Tuấn	Quang	Nam	07/09/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110466	Huỳnh Thế	Quang	Nam	05/05/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110467	Nguyễn Minh	Quang	Nam	01/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110468	Đỗ Nguyễn Minh	Quân	Nam	27/07/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110469	Ngô Đăng	Quân	Nam	24/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110470	Nguyễn Trung	Quân	Nam	24/01/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110471	Phạm Văn Minh	Quân	Nam	26/05/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110472	Tôn Thất Minh	Quân	Nam	20/01/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110473	Lê Anh	Quốc	Nam	23/01/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110474	Nguyễn Thúy Phương	Quyên	Nữ	18/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110475	Đinh Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	20/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110476	Lê Nguyễn Khánh	Quỳnh	Nữ	28/04/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110477	Phan Trịnh Như	Quỳnh	Nữ	07/02/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110478	Tổng Như	Quỳnh	Nữ	19/06/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110479	Nguyễn Thị	Sáng	Nữ	20/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110480	Đỗ Lâm	Sơn	Nam	17/12/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110481	Hoàng Hà Sơn	Nam	12/09/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110482	Nguyễn Hải Sơn	Nam	10/07/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110483	Nguyễn Trường Sơn	Nam	25/12/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110484	Trần Tấn Tài	Nam	04/01/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110485	Vũ Đức Tài	Nam	08/09/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110486	Nguyễn Hữu Tâm	Nam	28/02/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110487	Nguyễn Minh Tâm	Nam	04/04/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110488	Võ Minh Tâm	Nữ	07/02/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110489	Dương Quốc Thái	Nam	14/06/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110490	Hoàng Anh Thái	Nam	08/05/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110491	Lô Nam Thái	Nam	05/04/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110492	Võ An Phước Thái	Nam	20/11/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110493	Lê Nguyễn Trúc Thanh	Nữ	29/10/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110494	Lưu Ngọc Đan Thanh	Nữ	26/07/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110495	Phan Trần Kỳ Thanh	Nữ	10/01/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110496	Nguyễn Phúc Thành	Nam	24/07/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110497	Đỗ Phương Thảo	Nữ	05/11/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110498	Lê Thị Bích Thảo	Nữ	16/06/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110499	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	15/09/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110500	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	31/03/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110501	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	16/02/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110502	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	20/01/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110503	Trần Mai Phương Thảo	Nữ	19/01/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110504	Trần Võ Như Thảo	Nữ	20/01/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110505	Bùi Việt	Thắng	Nam	21/12/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110506	Mai Quốc	Thắng	Nam	17/07/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110507	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	04/04/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110508	Trần Minh	Thắng	Nam	12/04/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110509	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	10/08/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110510	Võ Đức	Thịnh	Nam	30/01/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110511	Bùi Duy	Thọ	Nam	04/05/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110512	Tổng Hữu	Thọ	Nam	04/01/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110513	Lê Anh	Thơ	Nữ	22/07/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110514	Phạm Phương	Thúy	Nữ	25/09/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110515	Vũ Thanh	Thúy	Nữ	31/08/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110516	Bùi Hà Anh	Thư	Nữ	16/06/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110517	Chung Khả	Thư	Nữ	10/10/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110518	Đoàn Nguyễn Minh	Thư	Nữ	13/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110519	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	14/02/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110520	Đỗ Thị Ân	Thư	Nữ	21/11/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110521	Đỗ Vũ Khánh	Thư	Nữ	29/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110522	Hồ Lương Anh	Thư	Nữ	10/10/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110523	Huỳnh Anh	Thư	Nữ	15/12/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110524	Lê Minh	Thư	Nữ	29/06/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110525	Lê Ngọc Minh	Thư	Nữ	08/07/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110526	Ngô Minh	Thư	Nữ	11/05/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110527	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/05/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110528	Nguyễn Đặng Quỳnh	Thư	Nữ	20/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110529	Nguyễn Lê Anh Thư	Nữ	16/11/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110530	Nguyễn Minh Thư	Nữ	02/11/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110531	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	11/07/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110532	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Nữ	15/02/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110533	Nguyễn Phạm Minh Thư	Nữ	25/03/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110534	Nguyễn Trần Quỳnh Thư	Nữ	10/03/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110535	Nhân Bùi Anh Thư	Nữ	07/03/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110536	Phạm Uyên Thư	Nữ	07/09/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110537	Trần Minh Thư	Nữ	31/01/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110538	Trần Thị Anh Thư	Nữ	11/01/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110539	Trịnh Minh Thư	Nữ	02/07/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110540	Vũ Ngọc Minh Thư	Nữ	08/02/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110541	Phan Duy Thức	Nam	29/03/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110542	Mai Nguyễn Ngân Thương	Nữ	01/11/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110543	Tổng Hoài Thương	Nữ	22/11/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110544	Lê Bùi Minh Thy	Nữ	06/12/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110545	Trần Bảo Thy	Nữ	23/10/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110546	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Nữ	23/09/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110547	Phạm Thị Lê Tiên	Nữ	23/05/2009	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110548	Trần Ninh Thủy Tiên	Nữ	22/09/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110549	Trần Thủy Tiên	Nữ	21/09/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110550	Đặng Lê Công Tiến	Nam	15/11/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110551	Mai Xuân Tiến	Nam	30/09/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110552	Ngô Đức Tiến	Nam	14/03/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110553	Nguyễn Dương Cao Tiến	Nam	03/11/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110554	Nguyễn Hữu Hoàng Tiến	Nam	21/06/2009	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110555	Nguyễn Minh Tiến	Nam	10/09/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110556	Nguyễn Minh Tiến	Nam	12/01/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110557	Trương Quốc Tiến	Nam	03/02/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110558	Phạm Thế Toàn	Nam	11/06/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110559	Trần Lê Khánh Toàn	Nam	13/07/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110560	Vũ Minh Trà	Nữ	12/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110561	Ngô Phương Trang	Nữ	14/01/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110562	Nguyễn Đình Bảo Trang	Nữ	20/08/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110563	Nguyễn Ngọc Trang	Nữ	24/04/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110564	Nguyễn Thanh Thùy Trang	Nữ	17/11/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110565	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	26/01/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110566	Phạm Bùi Nhã Trang	Nữ	09/06/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110567	Trần Ngọc Tú Trang	Nữ	16/03/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110568	Bùi Phạm Mỹ Trâm	Nữ	11/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110569	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	25/02/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110570	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	30/07/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110571	Nguyễn Thị Thùy Trâm	Nữ	21/07/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110572	Phan Bảo Trâm	Nữ	05/02/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110573	Phan Đặng Bảo Trâm	Nữ	15/01/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110574	Bùi Đặng Huyền Trâm	Nữ	24/09/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110575	Đặng Bảo Trâm	Nữ	21/10/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110576	Đinh Hoàng Bảo Trâm	Nữ	06/06/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110577	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	04/10/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110578	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	24/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110579	Nguyễn Thị Bảo Trân	Nữ	12/05/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110580	Phạm Ngọc Bảo Trân	Nữ	27/01/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110581	Trần Tú	Nữ	09/09/2010	11A11	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110582	Hồ Nguyễn Quang Trí	Nam	10/07/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110583	Nguyễn Minh Trí	Nam	03/03/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110584	Lê Minh Triết	Nam	08/06/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110585	Vũ Đình Minh Triết	Nam	12/05/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110586	Đặng Tổ Trinh	Nữ	24/03/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110587	Nguyễn Trần Ngọc Trinh	Nữ	11/08/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110588	Nguyễn Hà Thanh Trúc	Nữ	22/04/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110589	Nguyễn Lê Thuỷ Trúc	Nữ	28/07/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110590	Phan Thanh Trúc	Nữ	10/07/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110591	Võ Thanh Trúc	Nữ	30/09/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110592	Vũ Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	30/09/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110593	Lê Thành Trung	Nam	02/02/2009	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110594	Ngô Lê Trung	Nam	11/05/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110595	Nguyễn Sỹ Quốc Trung	Nam	30/09/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110596	Nguyễn Thành Trung	Nam	23/01/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110597	Mai Văn Tú	Nam	05/08/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110598	Nguyễn Trần Thanh Tú	Nam	14/02/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110599	Phạm Anh Tú	Nam	25/06/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110600	Lê Huy Tuấn	Nam	15/09/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 02/11/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110601	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	27/05/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110602	Trương Văn Tuấn	Nam	24/05/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110603	Cao Mạnh Tùng	Nam	06/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110604	Nguyễn Đức Tùng	Nam	25/12/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110605	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	17/03/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110606	Trần Đăng Tùng	Nam	02/04/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110607	Trương Thị Ánh Tuyết	Nữ	05/07/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110608	Trần Ngọc Cát Tường	Nữ	08/04/2010	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110609	Ngô Thục Uyên	Nữ	06/12/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110610	Nguyễn Huỳnh Mỹ Uyên	Nữ	27/05/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110611	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	Nữ	13/04/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110612	Nguyễn Thái Uyên	Nữ	15/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110613	Phạm Lê Uyên	Nữ	27/06/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110614	Đặng Thị Thúy Vân	Nữ	26/01/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110615	Đặng Thị Trúc Vân	Nữ	26/01/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110616	Lưu Thanh Vân	Nữ	01/05/2010	11A15	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110617	Trần Thanh Vân	Nữ	01/11/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110618	Phan Ngô Tường Vi	Nữ	13/02/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110619	Trần Đặng Thảo Vi	Nữ	17/09/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110620	Hoàng Gia Vĩ	Nam	01/01/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110621	Bùi Anh Vũ	Nam	15/01/2010	11A03	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110622	Đào Đại Vũ	Nam	08/04/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110623	Đỗ Phạm An Vũ	Nam	06/10/2010	11A04	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
24	110624	Phan Khắc Hoàng Vũ	Nam	26/03/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 24 học sinh.

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	110625	Tôn Lê Hoàng Vũ	Nam	26/11/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
2	110626	Đàm Minh Vy	Nữ	22/10/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
3	110627	Đặng Quỳnh Đông Vy	Nữ	03/10/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
4	110628	Hồ Nhã Vy	Nữ	08/12/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
5	110629	Hồ Thị Tường Vy	Nữ	18/08/2010	11A07	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
6	110630	Lê Phương Vy	Nữ	14/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
7	110631	Ngô Hoàng Bảo Vy	Nữ	19/06/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
8	110632	Nguyễn Hoàng Lê Vy	Nữ	13/01/2010	11A06	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
9	110633	Nguyễn Hồ Vy	Nữ	19/05/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
10	110634	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	10/10/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
11	110635	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	07/11/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
12	110636	Nguyễn Thị Ánh Vy	Nữ	10/06/2010	11A08	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
13	110637	Nguyễn Thị Hải Vy	Nữ	20/06/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
14	110638	Vũ Khánh Vy	Nữ	08/03/2010	11A02	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
15	110639	Y Nguyễn Kiều Vy	Nữ	24/07/2010	11A05	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
16	110640	Nguyễn Thị Diệp Y	Nữ	09/07/2009	11A14	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
17	110641	Hồ Ngọc Như Ý	Nữ	02/02/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
18	110642	Đào Nguyễn Hải Yến	Nữ	14/01/2010	11A12	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
19	110643	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ	25/11/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
20	110644	Nguyễn Lê Hải Yến	Nữ	05/05/2010	11A13	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
21	110645	Trần Bảo Yến	Nữ	29/05/2010	11A09	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
22	110646	Trần Kim Yến	Nữ	15/04/2010	11A01	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	
23	110647	Trần Thị Hải Yến	Nữ	27/11/2010	11A10	Văn, Toán, Anh, Sử, Lí, Hóa	

Danh sách này có 23 học sinh.